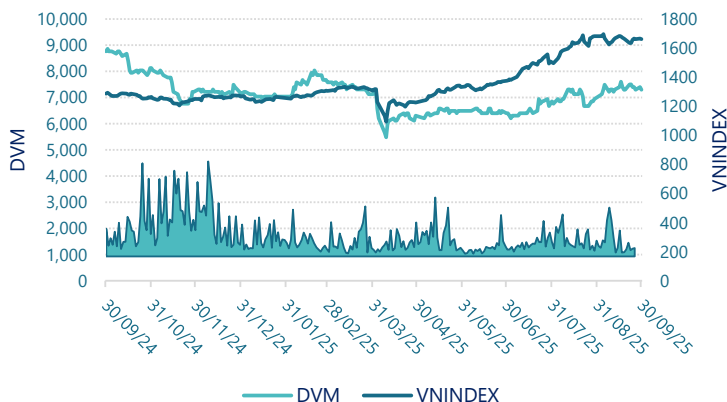




CTCP Dược liệu Việt Nam (HNX: DVM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	7,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,862
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,481
SL cổ phiếu LH	47,057,787
KLGD BQ 20 phiên (CP)	433,920
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	344
P/E	8.2
EPS	890

DT thuần

Q3/25

330

tỷ VNĐ

QoQ: ▼48.0| -12.7%

YoY: ▼127| -27.8%

LN sau thuế

Q3/25

8.08

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.49| -15.6%

YoY: ▼10.1| -55.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

5.9%

+/- YoY: ▼ 1.3%

DT thuần

9T 2025

1,028

tỷ VNĐ

YoY: ▼145| -12.4%

LN sau thuế

9T 2025

29.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼7.90| -20.7%

ROE

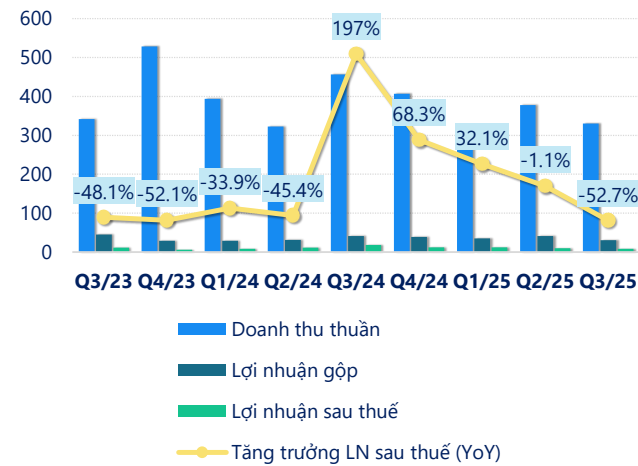
Q3/25

5.6%

+/- YoY: ▼ 0.6%

tỷ VNĐ

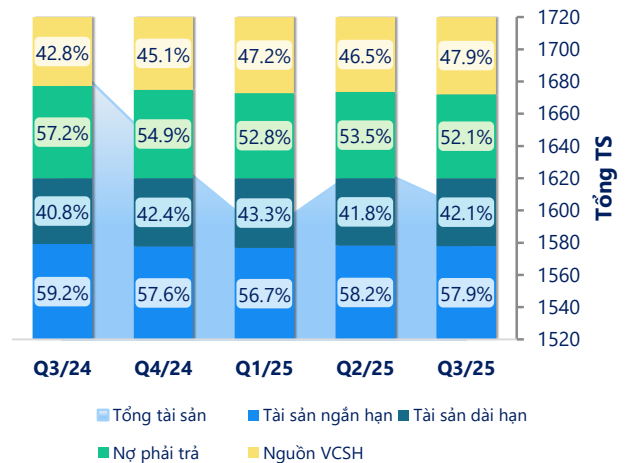
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

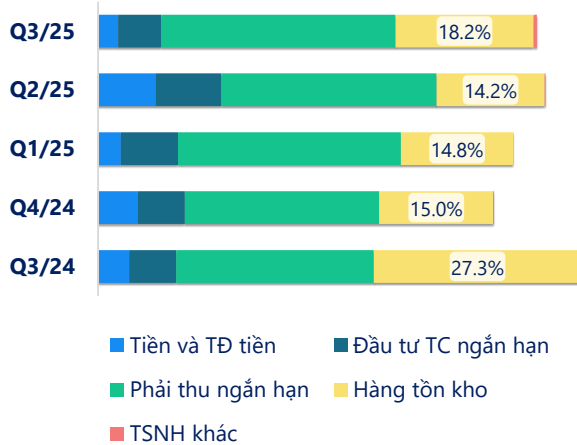
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



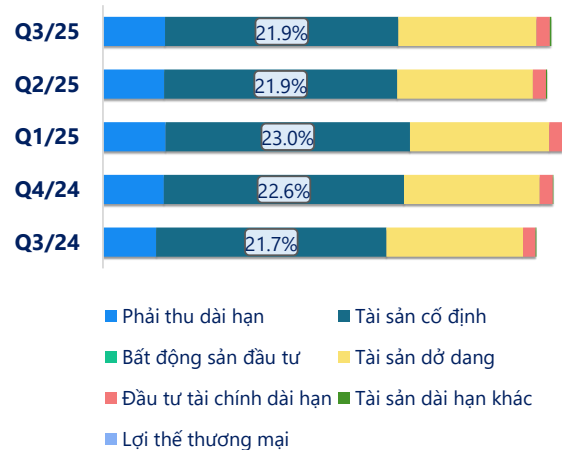
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

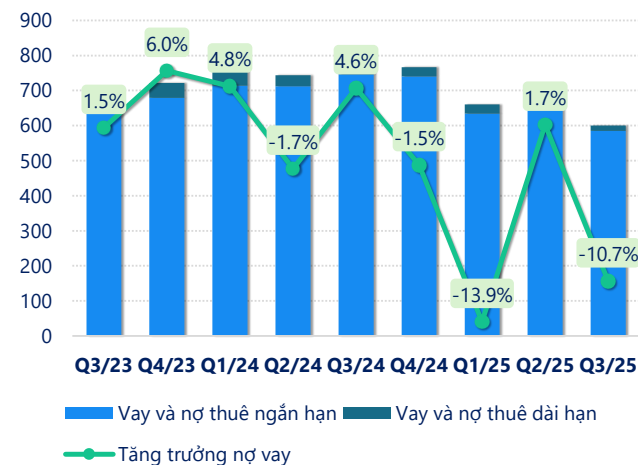
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

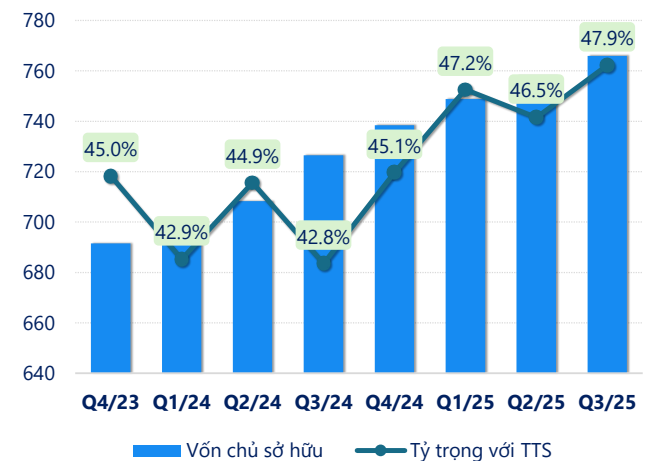
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

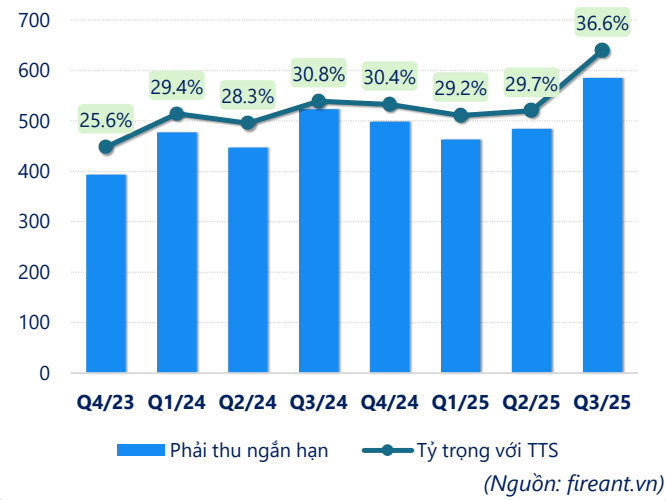
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

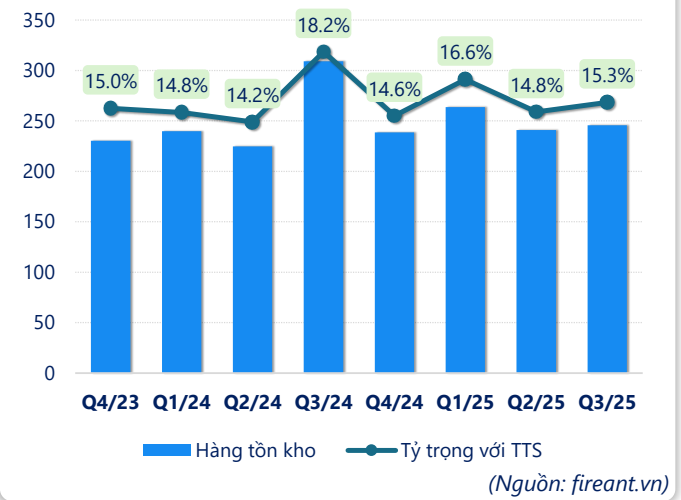


(Nguồn: fireant.vn)

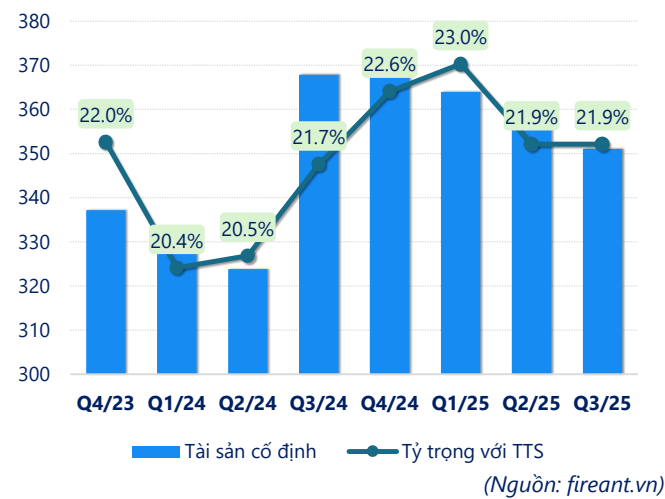
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


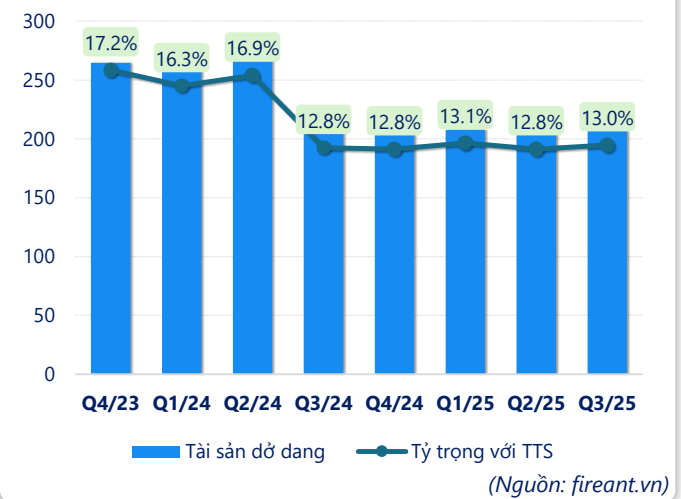
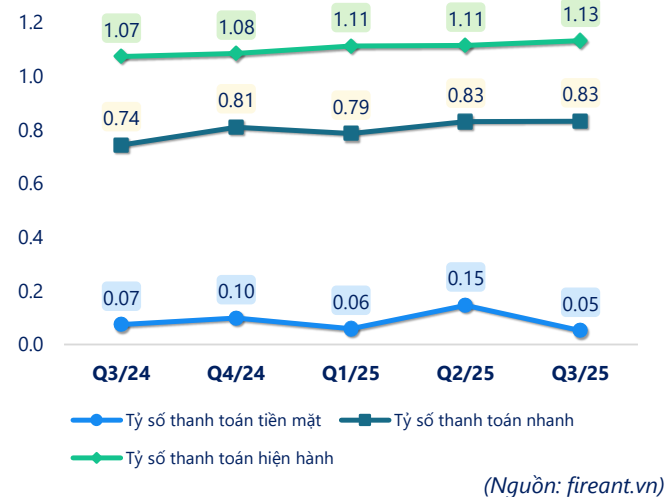
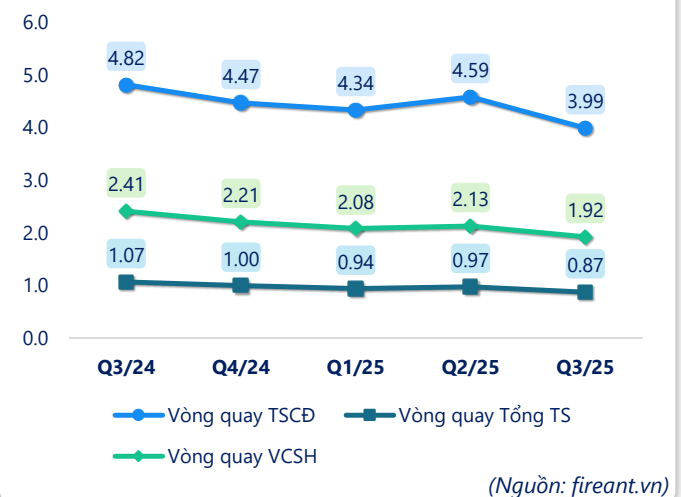
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,697	1,637	1,585	1,629	1,600
Tài sản ngắn hạn	1,005	943	899	948	926
Tiền và tương đương tiền	69.5	85.7	47.7	124	42.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	96.5	119	124	98.6	52.7
Phải thu ngắn hạn	523	498	463	484	585
Hàng tồn kho	309	239	264	241	246
Tài sản ngắn hạn khác	7.37	1.76	1.36	0.29	0.21
Tài sản dài hạn	692	693	686	681	675
Phải thu dài hạn	84.7	93.6	93.6	93.6	93.6
Tài sản cố định	368	370	364	357	351
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	218	209	208	208	208
Đầu tư tài chính dài hạn	20.0	20.0	20.0	20.0	20.0
Tài sản dài hạn khác	1.45	1.07	0.84	1.92	2.15
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	971	898	837	871	835
Nợ ngắn hạn	937	870	808	851	818
Vay và nợ thuê ngắn hạn	746	741	634	654	585
Phải trả người bán ngắn hạn	175	92.6	83.8	106	146
Nợ dài hạn	33.8	28.2	28.1	19.7	16.6
Vay và nợ thuê dài hạn	31.5	25.9	25.8	17.7	14.9
Nguồn vốn chủ sở hữu	726	738	749	758	766
Vốn chủ sở hữu	726	738	749	758	766
Vốn điều lệ	428	428	428	428	428
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)